

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY  
TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM  
**BAN KIỂM SOÁT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02 /VTVcab-BKS

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2019

**TỜ TRÌNH**  
**V/v thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của nước cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam ngày 02/06/2018,*

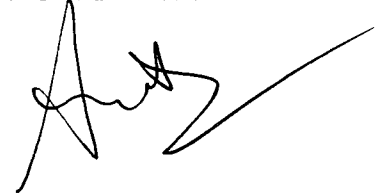
Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cấp Việt Nam kính trình Đại hội thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (Chi tiết Quy chế theo bản Dự thảo đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- BKS;
- Lưu VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN**



**NGUYỄN MINH ĐIỆP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM**

DỰ THẢO



**QUY CHẾ  
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

*Thực hiện từ ngày ... tháng ... năm 2019*

Hà nội, ngày      tháng      năm 2019

# MỤC LỤC

Vị trí trang

## **CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1: Những căn cứ pháp lý	1
Điều 2: Mục đích và phạm vi áp dụng	1
Điều 3. Giải thích từ ngữ	1

## **CHƯƠNG II – CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát	2
Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát	2
Điều 6. Trách nhiệm pháp lý của Ban Kiểm soát	3
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát	3
Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát	3
Điều 9. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	5
Điều 10. Nghĩa vụ của Ban kiểm soát	5
Điều 11. Miễn nhiệm, bãi miễn thành viên Ban Kiểm soát	6
Điều 12. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	7
Điều 13. Hình thức kiểm soát	7
Điều 14. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát	7
Điều 15. Thời gian làm việc của Ban kiểm soát	9
Điều 16. Trình tự tổ chức và tiến hành họp Ban kiểm soát	9
Điều 17. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát	9
Điều 18. Biên bản họp của Ban kiểm soát	11
Điều 19. Chế độ cung cấp thông tin	11
Điều 20. Bảo mật thông tin	12
Điều 21. Các mối quan hệ của Ban kiểm soát	12

## **CHƯƠNG III - TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 22. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung	14
---------------------------------------	----

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT  
CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHDCĐ ngày / /2018 của ĐHDCĐ)

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Những căn cứ pháp lý**

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam được xây dựng dựa trên những căn cứ pháp lý sau đây:

1. Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn;

2. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông lần đầu thông qua ngày 02/06/2018;

3. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần đầu thành lập Công ty cổ phần Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam ngày 02/06/2018.

**Điều 2. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng**

1. Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, hoạt động theo quy định pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và các quy định cụ thể tại Quy chế này.

2. Quy chế này nhằm cụ thể hóa các quyền, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

3. Mọi hoạt động của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát và người có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Ban kiểm soát phải tuân thủ Quy chế này.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- “Ban kiểm soát” là Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam do Đại hội đồng cổ đông bầu ra;

- “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Ban kiểm soát và Tổng công ty được quy định tại Điều lệ và các quy định

của pháp luật.

2. Các từ ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ Tổng công ty cũng có nghĩa tương tự trong Quy chế này.

## **Chương II CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Điều 4. Cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ hoạt động của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát gồm có 05 (năm) thành viên, thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát do các Thành viên Ban kiểm soát bầu ra theo nguyên tắc đa số và làm việc chuyên trách tại Tổng công ty.

2. Nhiệm kỳ của Thành viên Ban kiểm soát là 05 (năm) năm. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của Thành viên được bổ sung hoặc thay thế Thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ.

Trường hợp Thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

### **Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các kết luận giám sát của mình đối với hoạt động của Tổng công ty;

2. Bảo vệ lợi ích của Tổng công ty và Cổ đông, đảm bảo sự phát triển bền vững của Tổng công ty;

3. Không gây gián đoạn hoặc làm ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty;

4. Báo cáo trên cơ sở thực tế và phù hợp quy định pháp luật;

5. Cảnh báo các nguy cơ dẫn đến các hành vi làm tổn hại đến lợi ích của Tổng công ty và Cổ đông;

6. Minh bạch hoá các quan hệ, công khai hoá các lợi ích của các Thành viên Ban kiểm soát;

7. Mẫn cán và trung thực.

#### **Điều 6. Trách nhiệm pháp lý của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát là cơ quan thay mặt Đại hội đồng cổ đông thực hiện giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính nhằm bảo vệ lợi ích của Tổng công ty và Cổ đông.

2. Đối tượng chịu sự giám sát của Ban Kiểm soát là:

- a) Các hoạt động của Hội đồng quản trị trong quản lý Tổng công ty;
- b) Các hoạt động điều hành Tổng công ty của Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- c) Các chứng từ, sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Tổng công ty do Ban Tài chính Kế toán, Kế toán trưởng lập, Tổng Giám đốc duyệt và trình Hội đồng quản trị.

#### **Điều 7. Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát**

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

2. Không là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

3. Không được giữ các chức vụ quản lý Tổng công ty; là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;

4. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó;

5. Là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

#### **Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty;

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 6 tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty;

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp;

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu;

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ

đồng, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty;

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

12. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty;

13. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 9. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị;

2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị;

3. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị;

4. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Tổng công ty làm việc;

5. Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

### **Điều 10. Nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

1. Tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được



giao;

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty và Cổ đông;

3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và Cổ đông; không được sử dụng, tiết lộ thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó;

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng Quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

### **Điều 11. Miễn nhiệm, bãi miễn thành viên Ban Kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức và được chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

c) Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

## **Điều 12. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương hoặc thù lao và các lợi ích khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý, phù hợp với Quy chế tài chính Tổng công ty. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

## **Điều 13. Hình thức kiểm soát**

1. Kiểm soát gián tiếp là hoạt động kiểm soát chủ yếu, dựa trên báo cáo tài chính và các báo cáo khác theo quy định của pháp luật, báo cáo của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác thuộc Tổng công ty.

2. Kiểm soát trực tiếp là hoạt động kiểm tra trực tiếp tại các đơn vị trực thuộc Tổng công ty và doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty. Đây là giải pháp bổ sung cho hình thức kiểm soát gián tiếp nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát.

## **Điều 14. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Trường hợp các thành viên của Ban kiểm soát chưa thống nhất kết luận về vấn đề nào đó trong quá trình kiểm soát thì sẽ lấy ý kiến biểu quyết đa số. Những thành viên chưa thống nhất ý kiến đa số có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông xem xét, xử lý. Trong thời gian chưa có quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì vẫn chấp hành theo quyết định đa số của Ban kiểm soát.

2. Trưởng Ban kiểm soát trực tiếp chủ trì kiểm soát những vụ việc phức tạp và có trách nhiệm tổ chức, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về mọi hoạt động của Ban kiểm soát.

3. Những vụ việc kiểm soát mang tính chất phức tạp và diện rộng, Ban kiểm soát có thể thông báo với Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc để huy động thêm cán bộ có đủ năng lực, phẩm chất trong Tổng công ty tham gia để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

4. Những vụ việc phải liên hệ với các tổ chức, cá nhân bên ngoài Tổng công ty để phục vụ công tác kiểm soát thì cần phải được thông báo tới Hội đồng quản trị và bộ phận liên quan.

5. Ban kiểm soát thực hiện kiểm soát thường xuyên, định kỳ, có trọng tâm và trọng điểm theo kế hoạch Trước khi tiến hành kiểm soát phải thông báo trước cho Hội đồng quản trị và các đối tượng bị kiểm soát về nội dung, chương trình, thời gian làm việc.

6. Những vụ việc kiểm soát đột xuất theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát được phân công có thể thông báo cho đối tượng bị kiểm soát bằng văn bản hoặc thông báo qua thư điện tử.

7. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng tháng của thành viên Ban kiểm soát.

8. Hoạt động hành chính của Ban kiểm soát theo quy định chung của Tổng công ty và do bộ phận hành chính văn phòng phục vụ. Chi phí hoạt động chung của Ban kiểm soát bao gồm chi phí cho hoạt động văn phòng, chi phí thuê tư vấn, kiểm toán, công tác phí và các chi phí khác được tính vào chi phí chung của Tổng công ty trên cơ sở hợp lý, hợp lệ và theo nguyên tắc tài chính của Tổng công ty và quy định pháp luật.

#### **Điều 15. Thời gian làm việc của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát họp định kỳ tối thiểu 01 (một) tháng/lần để rà soát, đánh giá các hoạt động của Ban kiểm soát. Mọi cuộc họp của Ban kiểm soát do Trưởng Ban kiểm soát hoặc người tạm thời giữ chức vụ hoặc người được ủy quyền Trưởng Ban kiểm soát triệu tập.

2. Ban kiểm soát có thể họp bất thường khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật doanh nghiệp để giải quyết những vấn đề đột xuất, cấp bách của Tổng công ty. Thời gian thực hiện kiểm soát như quy định tại Khoản 6 Điều 165 Luật doanh nghiệp.

3. Các cuộc họp khác do Trưởng Ban kiểm soát quyết định tùy theo tình hình thực tế để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình.

4. Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 tổng số thành viên Ban kiểm soát tham dự, địa điểm họp tại trụ sở đã đăng ký của Tổng công ty hoặc một địa điểm khác do các thành viên Ban kiểm soát thống nhất. Cuộc họp Ban kiểm soát có thể theo hình thức họp mặt trực tiếp hoặc có thể thông qua các hình thức khác như điện thoại, internet... Việc tham gia các cuộc họp của các thành viên Ban kiểm soát thông qua các phương tiện điện thoại, internet... được coi là đã tham dự và cần được ghi lại trong Biên bản họp.

#### **Điều 16. Trình tự tổ chức và tiến hành họp Ban kiểm soát**

1. Tất cả các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường đều phải có nội dung chuẩn bị trước. Trưởng Ban kiểm soát căn cứ mục đích cuộc họp để phân công cho các thành viên Ban kiểm soát, bộ phận giúp việc cho Ban kiểm soát (nếu có) chuẩn bị nội dung tài liệu cho cuộc họp.

2. Trưởng Ban kiểm soát hoặc người được ủy quyền thông báo mời họp tới các thành viên Ban kiểm soát. Trong trường hợp không thể dự họp, thành viên Ban kiểm soát có quyền gửi phiếu biểu quyết hoặc ý kiến bằng văn bản cho Ban kiểm soát trước khi họp.

#### **Điều 17. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp. Nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp mà có ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác tham dự họp thì thành viên được ủy quyền có quyền thực hiện biểu quyết thay trừ trường hợp thành viên đó là đối tượng không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề cần biểu quyết.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa

ra Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không nhận ủy quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

3. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại cuộc họp liên quan đến quyền lợi của Thành viên Ban kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của Thành viên Ban kiểm soát và những nghi ngờ đó không được Thành viên Ban kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng các chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Trưởng Ban kiểm soát hoặc Người được ủy quyền chủ trì cuộc họp, phán quyết của Trưởng Ban kiểm soát hoặc Người được ủy quyền chủ trì cuộc họp sẽ có giá trị cuối cùng và có tính quyết định cuối cùng trừ trường hợp bản chất hoặc mức độ quyền lợi của Thành viên Ban kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.

4. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số Thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản gửi trước cuộc họp. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc Người được ủy quyền chủ trì cuộc họp.

5. Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua với các Thành viên Ban kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường.

6. Trưởng Ban kiểm soát quyết định tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các Thành viên Ban kiểm soát nếu thấy cần thiết. Phiếu xin ý kiến cùng với các tài liệu về vấn đề cần xin ý kiến và gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng Thành viên Ban kiểm soát trước một thời gian hợp lý để các Thành viên Ban kiểm soát có thời gian xem xét và cho ý kiến.

7. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của Thành viên Ban kiểm soát nếu được đa số các Thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết tán thành với vấn đề đưa ra xin ý kiến.

8. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Tổng công ty.

- Mục đích lấy ý kiến.

- Họ tên và địa chỉ liên lạc của Thành viên Ban kiểm soát.

- Vấn đề cần lấy ý kiến.

- Phương án biểu quyết, gồm: tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

- Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Tổng công ty.

- Họ tên, chữ ký của Trưởng Ban kiểm soát.

### **Điều 18. Biên bản họp của Ban kiểm soát**

1. Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi chép đầy đủ vào Biên bản họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt, được tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Thư ký cuộc họp do Trưởng Ban kiểm soát hoặc người được ủy quyền chỉ định theo từng phiên họp.

2. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản.

### **Điều 19. Chế độ cung cấp thông tin**

1. Các thành viên Ban kiểm soát được nhận các thông tin, tài liệu như quy định tại Điều 9 Quy chế này.

2. Nếu một thành viên của Ban kiểm soát nhận được thông tin hoặc tài liệu liên quan đến nhiệm vụ của Ban kiểm soát, thành viên này phải báo cáo với Trưởng Ban kiểm soát ngay khi có thể và Trưởng Ban kiểm soát sẽ thông báo cho thành viên Ban kiểm soát có liên quan.

### **Điều 20. Bảo mật thông tin**

1. Các thành viên Ban kiểm soát xử lý mọi thông tin và tài liệu có được trong phạm vi thẩm quyền là thành viên Ban kiểm soát với sự cẩn trọng cần thiết và bảo mật theo quy định của Tổng công ty và Pháp luật.

2. Các thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ ra bên ngoài, công bố hoặc bằng cách khác cung cấp cho bên thứ ba các thông tin được xếp loại mật, các văn bản tài liệu của Tổng công ty và các thông tin khác liên quan đến hoạt động Tổng công ty, hoặc các thông tin mà Tổng công ty chưa công bố ra bên ngoài.

3. Các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ bảo mật thông tin theo Điều lệ và các quy định nội bộ của Tổng công ty, Quy chế này và quy định có liên quan của pháp luật.

### **Điều 21. Các mối quan hệ của Ban kiểm soát**

#### **1. Đại hội đồng cổ đông.**

Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông.

#### **2. Hội đồng quản trị.**

- Hội đồng quản trị chịu sự giám sát của Ban kiểm soát trong việc quản lý Tổng công ty.

- Hội đồng quản trị cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Ban kiểm soát kiến nghị và đề xuất với Hội đồng quản trị để kịp thời xử lý, chấn chỉnh những vi phạm, sai sót trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các vi phạm về tài chính.

- Khi nhận được kết quả kiểm soát, Hội đồng quản trị sẽ xem xét để đưa ra kết luận và quyết định xử lý. Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của Hội đồng quản trị.

#### **3. Ban Tổng Giám đốc.**

- Ban Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của Ban kiểm soát trong việc quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động của Tổng công ty.

- Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo các phòng ban chức năng, đơn vị thuộc Tổng công ty cung cấp đầy đủ các số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

- Định kỳ hàng (tháng, quý, năm), Ban Tổng Giám đốc gửi tới Hội đồng quản trị các báo cáo về kết quả tự đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tiến độ

thực hiện kế hoạch, kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hệ thống để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đã được phê duyệt thì đồng thời chuyển cho Ban kiểm soát một bản để làm cơ sở kiểm soát.

- Căn cứ kết quả kiểm tra, kiểm soát, Ban kiểm soát kiến nghị đề xuất với Ban Tổng Giám đốc để kịp thời xử lý, chấn chỉnh những vi phạm, sai sót trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Khi nhận được kết quả kiểm tra, Tổng Giám đốc sẽ xem xét để đưa ra kết luận và kiến nghị xử lý. Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của Ban Tổng Giám đốc.

- Ban Tổng Giám đốc bố trí các phương tiện, trang thiết bị cần thiết phục vụ cho hoạt động của Ban kiểm soát, cử cán bộ có đủ năng lực chuyên môn phù hợp với yêu cầu của Ban kiểm soát tham gia cùng đoàn kiểm tra, kiểm soát khi cần thiết.

#### 4. Quan hệ với các đơn vị trực thuộc Tổng công ty.

- Các đơn vị trực thuộc Tổng công ty cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của Ban kiểm soát và ý kiến của Tổng Giám đốc.

- Phụ trách các đơn vị trực thuộc được kiểm tra chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng quản trị về tính đầy đủ, trung thực và hợp pháp của các tài liệu cung cấp cho Ban kiểm soát.

- Phụ trách các đơn vị trực thuộc phải ký và hoặc đóng dấu xác nhận vào biên bản kiểm tra do Ban kiểm soát lập, ghi rõ ý kiến của đơn vị đối với những ý kiến nhận xét, kiến nghị của Ban kiểm soát.

- Phụ trách các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm thông báo cho Ban kiểm soát/ Thành viên Ban kiểm soát khi phát hiện có các sai phạm, rủi ro, thất thoát về tài sản tại đơn vị mình.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 22. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung**



1. Quy chế này gồm 3 Chương 22 Điều, có hiệu lực kể từ ngày ký và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trong trường hợp những quy định của Điều lệ Tổng công ty và Pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trường hợp Điều lệ Tổng công ty và Pháp luật có liên quan có những quy định mới khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định mới của Điều lệ và Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng.

3. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Các thành viên Ban kiểm soát và các bộ phận, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Minh Điệp**